

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 212 và 213 của bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 163/2022/DSST ngày 02 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1.Nguyên đơn: Ông Đỗ Hồng T, sinh năm 1940;

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền:

+ Ông Đỗ Hồng T1, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội.

+ Ông Trần Đức A, sinh năm 2000;

+ Ông Hồ Xuân Q, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: Số B, ngõ B L, phường N, quận T, TP Hà Nội.

1.2.Bị đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội.

1.3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Kiều Thị T2, sinh năm 1944 (vợ ông T),

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội

+ Bà **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1973 (vợ ông H);

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện T, TP Hà Nội

+ Bà **Đỗ Thị T4**, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Thôn V (thôn B cũ), xã P, huyện T, thành phố Hà Nội.

+ Bà **Đỗ Thị V**, sinh năm 1960;

+ Bà **Đỗ Thị C**, sinh năm 1963;

+ Ông **Đỗ Văn H1**, sinh năm 1964;

+ Ông **Đỗ Văn B**, sinh năm 1967;

+ Bà **Đỗ Thị K**, sinh năm 1970;

+ Bà **Đỗ Thị C1**, sinh năm 1971;

+ Bà **Đỗ Thị K1**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn P (Cuối C) xã B, huyện T, thành phố Hà Nội.

+ Bà **Đỗ Thị P**, sinh năm 1973; có mặt;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện T, TP Hà Nội;

+ **UBND huyện T, thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh H2 – Chủ tịch UBND huyện

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà **Đinh Thị H3** – Phó trưởng phòng Tài nguyên – Môi trường huyện.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Đỗ Văn H, bà Nguyễn Thị T3 được quyền sử dụng 211,7m² đất tại thửa đất số 209, tờ bản đồ số 12 diện tích 268m² tại thôn C, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội.

2.2. Ông Đỗ Hồng T, bà Kiều Thị T2 được quyền sử dụng 56.3m² tại thửa đất số 209, tờ bản đồ số 12 diện tích 268m² tại thôn C, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội;

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 756138 do UBND huyện T, thành phố Hà Nội cấp cho ông Đỗ Văn H ngày 01/3/2017 (có sơ đồ kèm theo).

2.3. Ông Đỗ Văn H, bà Nguyễn Thị T3 có trách nhiệm giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 756138 do UBND huyện T, thành phố Hà Nội cấp cho ông Đỗ Văn H ngày 01/3/2017 (bản gốc) cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng một phần diện tích thửa đất trên cho ông Đỗ Hồng T và bà Kiều Thị T2. Ông Đỗ Hồng T và bà

Kiều Thị T2 phải chịu nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước (nếu có).

2.5. Về án phí: Ông Đỗ Hồng T và bà Kiều Thị T2 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đỗ Hồng T và bà Kiều Thị T2.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- THADS huyện Thạch Thất;
- TANDTP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thủy